

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ HOÀNG ĐẠT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-UBND

Hoàng Đạt, ngày tháng năm 2024

## **KẾ HOẠCH**

### **Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024**

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình và mẫu biểu báo cáo; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH;

Thực hiện Kế hoạch số 168 /KH-UBND ngày 05/9/2024 của UBND Huyện Hoàng Hóa về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024;

Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 (gọi tắt là Kế hoạch rà soát) với những nội dung sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Tổ chức rà soát nhằm xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 để đánh giá kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2024, đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và dịch vụ xã hội cơ bản của người dân giúp các cấp chính quyền triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách kinh tế - xã hội khác năm 2025 và các năm tiếp theo.

### **2. Yêu cầu**

Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông

nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 thực hiện đúng phương pháp, quy trình được quy định tại Quyết định 24/2021/QĐ-TTg, Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH đảm bảo công khai, dân chủ; đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền; sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc và sự tham gia của người dân.

## **II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

### **1. Phạm vi**

Thực hiện trên địa bàn toàn xã.

### **2. Đối tượng áp dụng**

Hộ gia đình, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã.

## **III. NỘI DUNG**

### **1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều, chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo**

#### ***1.1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều***

##### **a) Tiêu chí thu nhập**

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng.

##### **b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản**

- Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

#### ***1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình***

##### **a) Chuẩn hộ nghèo**

Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

##### **b) Chuẩn hộ cận nghèo**

Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

##### **c) Chuẩn hộ có mức sống trung bình**

- Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

## **2. Quy trình, tiến độ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình**

Tùy vào tình hình thực tế của xã, tổ chức rà soát đảm bảo quy trình, tiến độ, thời gian quy định tại Điều 3, Điều 4 Quyết định 24/2021/QĐ-TTg như sau:

### **2.1. Quy trình rà soát định kỳ**

#### **Bước 1. Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát (Mẫu số 03).**

Ban Chỉ đạo rà soát xã chủ trì, phối hợp với thôn (gọi tắt là thôn) và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND xã đang quản lý tại thời điểm rà soát;

- Đối với hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát (Mẫu số 01) và những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo do rà soát viên, trưởng thôn phát hiện lập danh sách đưa vào Mẫu số 02 (Phiếu A) để nhận dạng nhanh hộ gia đình không thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo. Trường hợp có dưới 4 tiêu chí thì đưa vào danh sách hộ cần rà soát.

**Lưu ý:** Ban Chỉ đạo rà soát xã, lực lượng rà soát viên, trưởng thôn chủ động phát hiện những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo để hướng dẫn hộ gia đình làm giấy đề nghị đưa vào danh sách các hộ rà soát nhanh theo phiếu A. **Xong trước ngày 20/9/2024.**

#### **Bước 2. Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình (Mẫu số 4.1 và Mẫu số 4.2).**

Ban Chỉ đạo rà soát xã chủ trì, phối hợp với trưởng thôn và rà soát viên thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

**Thời gian thực hiện song trước ngày; 22/9/2024**

#### **Bước 3. Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát.**

- Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo xã, Trưởng thôn (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ thôn, đoàn thể, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

- Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (*chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo*). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại từ bước 2 theo quy định.

- Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản (Mẫu số 05), có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở thôn, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát xã).

**Thời gian thực hiện song trước ngày; 24/9/2024**

**Bước 4.** Niêm yết, thông báo công khai.

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 06, mẫu số 07) tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở UBND xã; thông báo qua đài truyền thanh xã (nếu có) trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở UBND xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát). **Xong trước ngày 02/10/2024.**

**Bước 5.** Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Chủ tịch UBND xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch UBND huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn (Mẫu số 08).

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch UBND xã, Chủ tịch UBND huyện có ý kiến trả lời bằng văn bản.

**Bước 6.** Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Chủ tịch UBND xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND huyện, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn (Mẫu số 19) và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 20).

Lưu ý: Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo yêu cầu chính xác thông tin cá nhân từng người (họ và tên, năm sinh, quan hệ với chủ hộ, số căn cước công dân, dân tộc...) trên cơ sở đối chiếu, thống nhất thông tin với dữ liệu đã được cập nhật trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

**Bước 7.** Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

UBND Xã tổng hợp, phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn và báo cáo Chủ tịch UBND Huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

**2.2. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm**

- Thực hiện theo quy định tại điều 5 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

- Thời gian rà soát: mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng.

*2.3. Quy trình xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình*

- Thực hiện theo quy định tại điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

- Thời gian thực hiện: Từ ngày 15 hằng tháng.

### **3. Phương pháp rà soát và phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo**

*3.1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo* (theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.): Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Kế hoạch này để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm B1):

+ Ở khu vực nông thôn: 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng;

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B2): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

*3.2. Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo*

- Hộ nghèo:

+ Khu vực nông thôn: hộ có điểm  $B1 \leq 140$  điểm và điểm  $B2 \geq 30$  điểm.

- Hộ cận nghèo:

+ Khu vực nông thôn: hộ có điểm  $B1 \leq 140$  điểm và điểm  $B2 < 30$  điểm.

### **4. Phương pháp xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình**

Là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

### **5. Hệ thống biểu mẫu, phiếu rà soát**

Hệ thống biểu: Tại phụ lục II kèm theo Kế hoạch này, gồm: Các biểu mẫu quy định tại Quyết định 24/2021/QĐ-TTg, Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH, Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH đã được đánh lại số thứ tự và một số mẫu biểu có bổ sung thêm thông tin nhằm phục vụ công tác tổng hợp và thực hiện chính sách giảm nghèo có liên quan.

### **6. Báo cáo kết quả rà soát định kỳ năm 2024**

*6.1. Báo cáo sơ bộ*

- Chủ tịch UBND xã báo cáo Chủ tịch UBND huyện **trước ngày 10/10/2024**. Hồ sơ báo cáo gồm: Công văn báo cáo và biểu tổng hợp theo Mẫu số 08.

### 6.2. Báo cáo chính thức

Hồ sơ báo cáo được lập, lưu tại 03 cấp (xã, huyện, tỉnh). Cụ thể:

Chủ tịch UBND xã báo cáo Chủ tịch UBND huyện **trước ngày 20/10/2024**. Hồ sơ báo cáo gồm:

- Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo của Chủ tịch UBND xã (Mẫu số 06, Mẫu số 07, Mẫu số 19) kèm hệ thống biểu tổng hợp của cấp xã từ Mẫu số 08 đến Mẫu số 18 theo chuẩn giai đoạn 2022 - 2025.

- Hồ sơ lưu tại UBND xã gồm: (1) Hệ thống bảng biểu, Giấy đề nghị rà soát, Phiếu rà soát; (2) Văn bản xin ý kiến của Chủ tịch UBND xã và văn bản trả lời của Chủ tịch UBND huyện về kết quả rà soát; (3) Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo của Chủ tịch UBND xã, biểu tổng hợp của xã; (4) Quyết định phê duyệt kết quả rà soát của Chủ tịch UBND huyện kèm các biểu mẫu tổng hợp; (5) Các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện tại cấp xã.

## 8. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024: đã phân bổ tại Quyết định 1277/QĐ-UBND ngày 01/4/2024 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Các thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo Xã

- Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Điều 2 Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của Chủ tịch UBND xã.

- Thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo địa bàn được phân công tại **Phụ lục I** kèm theo Kế hoạch này.

- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với Trưởng Ban Chỉ đạo huyện (qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) **trước ngày 15/11/2024**.

### 2. Công chức Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với MTTQ và các đoàn thể triển khai Kế hoạch rà soát; chỉ đạo, tổ chức, theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các thôn, thực hiện rà soát.

- Tổ chức tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình cho thành viên Ban chỉ đạo cấp xã.

- Biên soạn tài liệu hướng dẫn phục vụ việc rà soát.

- Chỉ đạo, kiểm tra, phúc tra, giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại địa phương.

- Tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND huyện kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo sơ bộ và chính thức.

- Quản lý, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 theo chế độ tài chính quy định hiện hành.

### **3. Công chức Tài chính - Kế toán**

Chủ trì phối hợp với Công chức Lao động - Thương binh và Xã hội bố trí nguồn vốn thực hiện, hướng dẫn sử dụng, thanh quyết toán kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024.

### **4. Công chức Văn hóa, xã hội;**

Chỉ đạo đài Truyền thanh tăng cường công tác tuyên truyền trên hệ thống thông tin về mục đích, ý nghĩa và phương pháp, quy trình, công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024; tiêu chí và mức chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022-2025 và việc xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

### **5. Công an xã**

Phối hợp với các ban, ngành cùng cấp liên quan thực hiện rà soát, đối chiếu thông tin cá nhân người nghèo, cận nghèo đảm bảo chính xác đối với thông tin dữ liệu quốc gia về dân cư.

### **6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức thành viên**

- Chủ trì, giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên phạm vi toàn xã.

- Chỉ đạo các ban công tác mặt trận Tổ quốc các thôn phối hợp với các tổ chức thành viên trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tích cực công tác thông tin, tuyên truyền và tổ chức giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn .

### **7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Xã**

a) Kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban; công chức Văn hóa - Xã hội cấp xã làm Phó Trưởng ban; công chức Văn phòng - Thống kê, Tài chính - Kế toán, Nông nghiệp - Địa chính - Xây dựng, Tư pháp - Hộ tịch; cán bộ công chức có liên quan và các Trưởng thôn trên địa bàn và cán bộ Ngân hàng Chính sách xã hội được phân công theo dõi tại xã làm thành viên. Mời lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tham gia giám sát. Tùy tình hình thực tế để tổ chức lực lượng rà soát viên trực tiếp làm công tác rà soát, tổng hợp dữ liệu gồm: Trưởng thôn, đại diện một số đoàn thể (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, ...). Mời đồng chí Bí thư Chi bộ tham gia. Tùy theo số lượng hộ trong thôn, Chủ tịch UBND xã quyết định số lượng, thành phần tham gia lực lượng rà soát viên nhằm đảm bảo tiến độ thời gian.

***Ban Chỉ đạo cấp xã giúp Chủ tịch UBND xã:***

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Tổ chức tập huấn cho lực lượng rà soát viên và những cá nhân có liên quan quy trình, phương pháp và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Chỉ đạo tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn; theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện.

b) Ban hành và chỉ đạo triển khai kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã.

c) Chủ tịch UBND xã quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

d) Chủ tịch UBND xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

đ) Tổ chức xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình khi nhận được giấy đề nghị của hộ gia đình.

e) Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

g) Tuyên truyền, giải thích cho cán bộ và nhân dân ở địa bàn rà soát hiểu được: Mục đích, ý nghĩa và phương pháp, quy trình, công cụ, tiêu chí và mức chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025 và việc xác định thu nhập của hộ làm



nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

Trong quá trình chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nếu còn vướng mắc phát sinh, đề nghị các thành viên trong ban chỉ đạo và các thôn, phản ánh kịp thời về thường trực Ban Chỉ đạo xã để phối hợp, giải quyết./.

***Nơi nhận:***

- Phòng Lao động-TBXH (b/c);
- Thường trực Đ.ủy, HĐND xã (b/c);
- UBMTTQ và các đoàn thể xã (p/h);
- Thành viên BCĐ (t/h);
- Lưu: VT, LĐTBXH.

**CHỦ TỊCH**

**Hoàng Đình Hợp**

**PHỤ LỤC I**  
**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH**  
**CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO**

(Kèm theo Kế hoạch số / KH-UBND ngày tháng năm 2024  
của UBND xã Hoàng Đạt)

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Nhiệm vụ, đơn vị được phân công
1	Đ/c Hoàng Đình Hợp	Chủ tịch UBND Xã - Trưởng Ban Chỉ đạo	Chỉ đạo, điều hành chung
2	Đ/c Nguyễn Huy Nguyệt	CC Lao động - TBXH - Phó Trưởng Ban Chỉ đạo	Chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát trên địa bàn toàn xã
3	Đ/c Lê Ngọc Châu Đ/c .....	CC VP-TK - Ủy viên trực	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tại Thôn Hạ vũ 1.
4	Đ/c Hoàng Thị Ngân Đ/c Ngô Thanh Bình	CCTP-HT & CC TC- KT -Ủy viên	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Thôn Hạ Vũ 2
5	Đ/c Lê Hữu Oai; Đ/c Lê Đức Tuấn	CCVH-XH & CCĐC - XD - Ủy viên	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Thôn Tam Nguyên.
6	Đ/c Đỗ Hồng Cảnh – Đ/C Đinh Trọng Hải	CCVP-TK& CHT Xã Đội - Ủy viên	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Thôn Trù Ninh.

- Mời; Các đồng chí; CTMTTQ xã ; chỉ đạo, Giám sát chung;
- Mời; Đ/c Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã; Chỉ đạo giám sát Thôn Hạ vũ 2
- Mời; Đ/c Chủ tịch Hội Phụ Nữ xã; Chỉ đạo giám sát Thôn Hạ vũ 1
- Mời; Đ/c Chủ tịch Hội ND xã; Chỉ đạo giám sát Thôn Tam Nguyên
- Mời; Đ/c Chủ tịch Hội CCB xã; Chỉ đạo giám sát Thôn Trù Ninh

\* Ngoài ra chân trọng kính mời các đồng chí có tên tại điều 1 đồng tham gia chỉ đạo công tác rà soát HN,HCN và Hộ DNNN có mức thu nhập trung bình thấp năm 2024 trên địa bàn toàn xã./.